

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2020/DS-ST

Ngày: 11-11-2020

V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hải

2. Bà Bùi Thị Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 11/11/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 693/2020/TLST-DS ngày 19/8/2020 về việc “*tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 331/2020/QĐXXST-DS ngày 30/9/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 216/2020/QĐST-DS ngày 16/10/2020, Thông báo v/v thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm số 221/TB-TA ngày 23/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Hồ Văn T

Địa chỉ: Số x, đường L, khóm b, Phường b, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị R

Địa chỉ: Ấp b, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ hiện nay: Số z, đường C, tổ b, ấp m, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông T có mặt, bà R vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Hồ Văn T trình bày:

Ông Hồ Văn T và bà Nguyễn Thị R có quen biết nên bà R vay ông T số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, có làm hợp đồng vay tiền vào ngày 01/11/2019, thời hạn vay đến ngày 01/5/2020 (06 tháng), mục đích vay là tiêu dùng. Từ khi vay, bà R đã trả lãi được 06 tháng (từ ngày 01/11/2019 đến 01/5/2020) với số tiền 1.200.000 đồng.

Khi đến hạn, ông T nhiều lần yêu cầu bà R thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng bà R không trả cho ông T tiền gốc và tiền lãi (02 tháng, từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/7/2020).

Ông Hồ Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị R trả cho ông T số tiền vay 10.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/7/2020 (02 tháng, lãi suất 2%) là 400.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 10.400.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020 và tại phiên tòa ông T đồng ý trừ số tiền lãi đã nhận vượt quá mức lãi suất quy định vào tiền gốc. Số tiền lãi ông T đã nhận vượt quá là 204.000 đồng ($1.200.000 \text{ đồng} - 1,66\%/tháng \times 6 \text{ tháng} \times 10.000.000 \text{ đồng}$). Sau khi trừ tiền lãi đã nhận vượt quá vào tiền gốc thì bà R còn nợ ông T số tiền là 9.796.000 đồng ($10.000.000 \text{ đồng} - 204.000 \text{ đồng}$). Tiền lãi bà R chưa đóng cho ông T vào tháng 6 và 7/2020 là 325.227 đồng ($9.796.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 1,66\%/tháng$). Do đó, bà R còn nợ ông T tổng số tiền là 10.121.227 đồng. Ông T rút yêu cầu đối với số tiền lãi 400.000 đồng và do hoàn cảnh bà R khó khăn nên ông T chỉ yêu cầu bà R trả cho ông T số tiền 9.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thời điểm bắt đầu tính lãi là khi ông T có đơn yêu cầu thi hành án và tính theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị R nhưng bà R vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ theo đơn khởi kiện của ông Hồ Văn T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản. Bị đơn bà Nguyễn Thị R cư trú tại xã m, thành phố C nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3

Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị R đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Hồ Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị R trả nợ cho ông T tiền nợ gốc là 9.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, thời điểm bắt đầu tính lãi là khi ông T có đơn yêu cầu thi hành án và tính theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền vay trên, Tòa án đã thông báo cho bà R biết nhưng bà R không có ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án.

Xét Hợp đồng cho cá nhân vay tiền ngày 01/11/2019 thể hiện bà Nguyễn Thị R có vay của ông Hồ Văn T số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng (tức là 24%/năm), thời hạn vay 06 tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, hàng tháng bà R đã trả lãi đầy đủ cho ông T, mỗi tháng 200.000 đồng, tổng số tiền lãi đã đóng là 1.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng này do các bên tự nguyện xác lập, tuy nhiên mức lãi suất mà các bên thỏa thuận là vượt quá 20%/năm nên theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực. Do vậy, số tiền lãi mà ông T đã nhận trong 06 tháng vượt quá quy định phải được căn trừ vào tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP). Cụ thể như sau:

Tháng 12/2019 tiền lãi nhận vượt quá là 33.333 đồng (200.000 đồng – (20% : 12 x 10.000.000 đồng)), trừ vào tiền gốc tại thời điểm trả lãi là 10.000.000 đồng, nợ gốc thực tế là 9.966.667 đồng.

Tương tự như trên, tiền lãi vượt quá và nợ gốc còn lại của các tháng sau được tính:

Tháng 01/2020 tiền lãi nhận vượt quá là 33.889 đồng, tiền gốc còn nợ 9.932.778 đồng.

Tháng 02/2020 tiền lãi nhận vượt quá là 34.484 đồng, tiền gốc còn nợ 9.898.324 đồng.

Tháng 3/2020 tiền lãi nhận vượt quá là 35.028 đồng, tiền gốc còn nợ 9.863.296 đồng.

Tháng 4/2020 tiền lãi nhận vượt quá là 35.612 đồng, tiền gốc còn nợ 9.863.296 đồng.

Tháng 5/2020 tiền lãi nhận vượt quá là 36.205 đồng, tiền gốc còn nợ 9.827.684 đồng.

Như vậy, sau khi căn trừ, số tiền gốc mà bà R còn nợ ông T là 9.827.684 đồng.

Các nội dung khác của hợp đồng là có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp với quy định tại Điều 401, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP và có lợi cho bà R nên chấp nhận.

Về tiền lãi: Ông T rút yêu cầu đối với số tiền lãi 400.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên chấp nhận theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

[4] Án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T nên bà R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 217, Điều 218, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 9, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn T.

Buộc bà Nguyễn Thị R có trách nhiệm trả cho ông Hồ Văn T số tiền 9.500.000 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Hồ Văn T về số tiền lãi 400.000 đồng.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị R phải chịu 475.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn T được nhận tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007156 ngày 18/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền

chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS ND TPCL;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân